

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KM
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2020/HS- ST

Ngày: 18/9/2020

NHÂN DANH
NƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KM, TỈNH HẢI DƯƠNG

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Anh Tuyết

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thành Biên

Bà Đinh Thị Tin

** Thư ký phiên tòa:* Ông Đào Chính Hướng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã KM.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã KM tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hiếu- Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã KM, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 47/2020/HSST ngày 14/8/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Xuân U', sinh năm 1994; *Tên gọi khác:* Lê Phong V

Nơi cư trú: Khu dân cư Huề Trì, phường An Phú, thị xã KM, tỉnh Hải Dương

Tôn giáo: không; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 07/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Lê Văn T và bà Tôn Nữ Kim N, Mẹ nuôi: Nguyễn Thị M; Bị cáo là con một trong gia đình; Vợ: Trần Thị H; Bị cáo có 01 con;

Tiền án: 02 tiền án; Bản án hình sự sơ thẩm số 80 ngày 12/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện KM xử phạt 36 tháng tù về tội Cướp giật tài sản, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/8/2016. Bản án hình sự sơ thẩm số 36 ngày 31/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện KM xử phạt 12 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (bản án xác định tái phạm). Bị cáo chấp hành xong

hình phạt tù ngày 16/3/2019, chưa chấp hành khoản tiền truy thu 864.300 đồng.

Nhân thân: Năm 2012, bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng theo quyết định số 770/QĐ-UB-UC ngày 13/5/2012 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện KM, chấp hành xong ngày 01/3/2012; Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 87 ngày 08/2/2018 của Công an huyện KM xử phạt về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy số tiền 1.500.000đồng. Ngày 26/6/2018, U thi hành xong khoản tiền phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/4/2020, giam tại Trại tạm Công an tỉnh Hải Dương đến nay. *Có mặt.*

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lê Thị Thu H1- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nư ớc tỉnh Hải Dương. *Có mặt.*

***Người bị hại:** Anh Vũ Chi ến C, sinh năm 1997, địa chỉ: PX – phường H2T1 – thị xã KM – tỉnh Hải Dương; Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. *Có mặt.*

***Người có quyền lợi liên quan:** Anh Vũ Đức D, sinh năm: 1984, địa chỉ: Số 1, ngõ 31, phố H3T2, Khu 3 – phường C1T3 – thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. *Có đơn đề nghị vắng mặt.*

***Người làm chứng:** Anh Đỗ Văn T4, sinh năm 1990, địa chỉ: Thôn QL, xã T5Q2 – thị xã KM – tỉnh Hải Dương. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án đ ược tóm tắt nh ư sau: Khoảng 09 giờ ngày 10/3/2020, Nguyễn Xuân U (tên gọi khác Lê Phong V) cùng bạn là Đỗ Văn T4 ở tại phòng số 308, nhà nghỉ AH4 ở Khu đô thị T6H5 - H6S - KM - Hải Dương thì có anh Vũ Chi ến C, sinh năm 1997, địa chỉ: PX - H2T1 - KM (là nhân viên nhà nghỉ AH4) vào phòng chơi. Quá trình ngồi nói chuyện, U nói đi cầm c ổ điện thoại của U để lấy tiền chi tiêu, anh C bảo U lấy xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Airblade, biển số: 34D1- 415.98 (xe anh C mua trả góp Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T7V2) để đi và nhờ U chuyển số tiền 2.000.000 đồng anh C để trong c ổ xe vào tài khoản ngân hàng của C, U đồng ý. Sau đó U lấy xe mô tô của C đi. Trên đường đi U nảy sinh ý định mang xe mô tô của anh C đi bán lấy tiền chi tiêu và lấy luôn tiền C để trong c ổ xe. U tắt điện thoại rồi điều khiển xe đi lên thành phố Hải Dương. Khi đi đến bến đò Vạn, U dừng xe mở c ổ xe kiểm tra thấy có chiếc ví giả da đã cũ, U kiểm tra ví thấy trong có số tiền 2.070.000 đồng, giấy chứng minh thư nhân dân, giấy thế chấp ngân hàng và một số giấy tờ khác của anh C. U lấy tiền để trong túi quần, để giấy tờ trong c ổ xe, còn chiếc ví vất vào rìa đường rồi tiếp tục điều khiển xe đến thị trấn N2S2- huyện N2S2, tỉnh Hải Dương mua một chiếc sim điện thoại gọi cho T4 bảo T4

bắt xe lên thành phố Hải Dương chơi. U' và T4 ở thành phố Hải Dương chơi đến ngày 11/3/2020, do hết tiền nên U' đã gọi điện cho T8 (*là bạn quen biết xã hội, không rõ họ tên, địa chỉ*) nhờ T8 tìm nơi bán xe mô tô của anh C. Sau đó T8 dẫn U' đến gặp anh Vũ Đức D, sinh năm 1984, địa chỉ: phường C1T3, TP. Hải Dương bán xe với giá 13.000.000 đồng cùng 12 tháng trả góp Ngân hàng Việt Nam T7V2. Đến ngày 13/3/2020 sau khi tiêu hết tiền thì U' về nhà. Ngày 16/3/2020, anh C đến nhà gặp U' đòi xe nhưng U' không trả nên anh C làm đơn tố giác gửi Công an thị xã KM.

Ngày 17/4/2020, anh Vũ Đức D đã giao nộp cho Cơ quan điều tra chiếc xe mô tô biển số: 34D1- 415.98 cùng một số giấy tờ khác của anh C. Đối với chiếc ví giả da Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 49/HĐĐG ngày 20/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận chiếc xe mô tô BKS: 34D1- 415.98 có giá trị 41.800.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Vũ Chiên C đề nghị nhận lại xe mô tô, đối với chiếc ví giả da anh C xác định đã cũ, không nhớ thời gian mua và không yêu cầu U' phải bồi thường về dân sự. Anh Vũ Đức D yêu cầu U' hoàn trả lại số tiền 13.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 44/CT- VKSKM ngày 12/8/2020, Viện kiểm sát nhân dân thị xã KM truy tố bị cáo Nguyễn Xuân U' về Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm g khoản 2 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã KM giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân U' phạm Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; Áp dụng theo điểm g khoản 2 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 38, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân U' từ 36 đến 39 tháng tù, thời hạn tính từ ngày 22/4/2020; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự, Điều 584 của Bộ luật dân sự; Buộc bị cáo U' phải thanh toán trả cho anh Vũ Đức D số tiền là 13.000.000 đồng; Về án phí: Do bị cáo là thuộc trường hợp hộ gia đình nghèo tại địa phương nên theo quy định miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo;

Bị cáo U' khai nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt; Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Tòa án xem xét đến hoàn cảnh gia đình và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được hưởng mức án từ 33 đến 36 tháng tù; Người bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo U';

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan điều tra Công an thị xã KM, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã KM, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo U tại phiên tòa phù hợp với lời khai bị cáo đã khai nhận trong quá trình điều tra. Căn cứ vào lời khai của bị cáo đã khai trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu liên quan khác được thu thập trong quá trình điều tra; hiện có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 09 giờ ngày 10/3/2020 tại nhà nghỉ AH4, địa chỉ: Khu đô thị T6H5, H6S, KM, Hải Dương, Nguyễn Xuân U mượn của anh Vũ Chiếu C chiếc xe mô tô biển số: 34D1- 415.98, trị giá 41.800.000 đồng, sau đó U nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô và lấy đi số tiền 2.070.000 đồng của anh C để trong cốp xe. U đã đem chiếc xe mô tô bán cho anh Vũ Đức D được số tiền 13.000.000 đồng.

Xét, việc bị cáo sau khi mượn tài sản là xe mô tô của anh C để lấy phương tiện đi lại, sau đó đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản là tiền và xe mô tô có tổng trị giá là 43.870.000 đồng. Bị cáo đã bị xác định phạm tội với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là *tái phạm* tại bản án hình sự sơ thẩm số 36/2018/HS-ST ngày 31/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện KM (nay là Tòa án nhân dân thị xã KM), bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 16/3/2019 nên lần phạm tội này bị cáo bị xác định phạm tội thuộc trường hợp *tái phạm nguy hiểm*. Do đó, việc bị cáo Nguyễn Xuân U đã bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã KM truy tố về Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm g khoản 2 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Đồng thời xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội tại địa bàn thị xã KM.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, mặc dù nhận thức được hành vi thực hiện là vi phạm pháp luật hình sự nhưng với mục đích có tiền chi tiêu cho bản thân vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Do vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục đối với chính bị cáo và góp phần vào việc phòng ngừa tội phạm chung

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng xem xét việc trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay đã *thành khẩn khai báo* về hành vi phạm tội. *Người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo* nên cần xem xét áp

dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, qua đó thể hiện tính khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội. Xong, xét tính chất mức độ hành vi phạm tội và hậu quả tội phạm mà bị cáo đã gây ra cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa bàn thị xã KM. Bị cáo là người không chấp hành pháp luật, đã bị kết án về tội chiếm đoạt và đã bị áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở giáo dục năm 2012 nên phải có mức án phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả tội phạm mà bị cáo đã gây ra, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để giúp bị cáo phấn đấu, rèn luyện trở thành công dân sống có ích cho xã hội.

[3] Về hình phạt bổ sung: Xét, bị cáo trước khi phạm tội không có nghề nghiệp ổn định, kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo chiếm đoạt của anh C số tiền là 2.070.000 đồng và đã tiêu sài cá nhân hết. Hiện anh C không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền này nên không phải xem xét, giải quyết về bồi thường dân sự đối với anh C là có căn cứ, phù hợp pháp luật;

Đối với việc bị cáo U sau khi chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Airblade, biển kiểm soát: 34D1- 415.98 là tài sản của anh C, đã bán cho anh Vũ Đức D lấy số tiền là 13.000.000 đồng. Chiếc xe này là tài sản của anh C và cần trả lại anh C nên việc anh D yêu cầu bị cáo U phải thanh toán trả anh D số tiền 13.000.000 đồng là có căn cứ, chấp nhận theo quy định của pháp luật.

[5] Về vật chứng: Đối với 01 xe mô tô hiệu Airblade, biển kiểm soát: 34D1- 415.98 là tài sản của anh C, bị chiếm đoạt trái phép nên cần tuyên trả lại anh C chiếc xe mô tô này là đúng quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Bị cáo phạm tội và có nghĩa vụ bồi thường dân sự nên phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định; Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bị cáo và người bào chữa cho bị cáo trình bày nội dung bị cáo thuộc trường hợp hộ nghèo tại địa phương và xuất trình tài liệu chứng minh việc bị cáo thuộc trường hợp hộ nghèo nên theo quy định, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận đề nghị miễn tiền án phí của bị cáo và người bào chữa cho bị cáo, miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự cho bị cáo. Bị cáo U không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

Trong vụ án này, đối với anh Vũ Đức D có hành vi mua chiếc xe mô tô biển số: 34D1- 415.98 của U nhưng anh D không biết là tài sản do U phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã KM không xử lý đối với

anh D là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên không phải xem xét, giải quyết trong vụ án;

Đối với người tên là Trường cùng U đem xe mô tô biển số: 34D1- 415.98 đến bán cho anh D. Quá trình điều tra không xác định được họ tên, tuổi, địa chỉ của Trường, Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ xử lý sau là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên không phải xem xét, giải quyết trong vụ án.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 175, Điều 47, khoản 1 Điều 48, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584, Điều 589 của Bộ luật dân sự; Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân U (tên gọi khác Lê Phong V) phạm Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân U (tên gọi khác Lê Phong V) 03 năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 22 tháng 4 năm 2020;

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Xuân U phải bồi thường cho anh Vũ Đức D số tiền 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng);

Kể từ ngày ngời được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà ngời phải thi hành án chưa thi hành số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

4. Về vật chứng: Trả lại anh Vũ Chiến C 01 xe mô tô hiệu Airblade, biển kiểm soát: 34D1- 415.98 (*Vật chứng có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng lưu trong hồ sơ vụ án và đang được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã KM*).

5. Về án phí, xử: Miễn cho bị cáo Nguyễn Xuân U (tên gọi khác Lê Phong V) không phải nộp tiền án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo U và anh C biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án; Anh D biết được quyền kháng cáo phần quyền lợi liên quan trong bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án giao hoặc niêm yết bản án theo thủ tục quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

** Nơi nhận:*

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND thị xã KM;
- Cơ quan thi hành án hình sự,
Cơ quan cảnh sát điều tra
(Công an thị xã KM);
- Chi cục THADS thị xã KM;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam CA tỉnh HD;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Lưu hs. VP.

Phạm Anh Tuyết